

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC – NHÌN VÀO THỰC TRẠNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG

Bùi Bá Khiêm

Phòng Khoa học Công nghệ

Email: khiembb@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 01/01/2022

Ngày PB đánh giá: 17/02/2022

Ngày duyệt đăng: 25/02/2022

TÓM TẮT: Chuyển đổi số trong giáo dục đại học đang là xu hướng nhiều nước trên thế giới nhắc đến và triển khai trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 bùng nổ và trong bối cảnh đại dịch Covid-19 tác động tiêu cực đến mô hình giáo dục đại học truyền thống. Vậy chuyển đổi số có vai trò gì và mang lại lợi ích gì cho giáo dục đào tạo? Chuyển đổi số trong giáo dục đại học có nét gì khác so với chuyển đổi số ngành giáo dục đào tạo? Bài báo trình bày góc nhìn sâu sắc từ case-study của Trường Đại học Hải Phòng để có những khuyến nghị từ thực trạng đến các đề xuất giải pháp cho chuyển đổi số giáo dục đại học.

Từ khóa: chuyển đổi số, giáo dục đại học, Trường Đại học Hải Phòng.

DIGITAL TRANSFORMATION IN HIGHER EDUCATION - A CRITICAL LOOK AT THE ACTUAL SITUATION AT HAI PHONG UNIVERSITY

ABSTRACT: In the era of the explosion of industrial revolution 4.0 and in the context of the negative effects of Covid-19 pandemic on the traditional higher education model, digital transformation in higher education is a trend that many countries in the world have mentioned and implemented. So what role does digital transformation play and what benefits does it bring to education and training? How is digital transformation in higher education different from that in education and training? This article presents a critical look at the case-study of Hai Phong University to have recommendations for and solutions to digital transformation in higher education..

Keywords: digital transformation, higher education, Hai Phong University

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chuyển đổi số đang là một hoạt động được nhắc đến nhiều ở Việt Nam trong thời gian gần đây. Chuyển đổi số được đề cập xuyên suốt các cấp từ trung ương đến địa phương cơ sở; đề cập ở rất nhiều lĩnh vực từ chính phủ số, xã hội số, kinh tế số hay ở các ngành công nghiệp, nông nghiệp, du lịch... Không đứng ngoài sức nóng của chuyển đổi số, ngành giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng đang vươn mình mạnh mẽ để khẳng định sự thích ứng trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Chuyển đổi số trong ngành giáo dục không phải là khái niệm quá xa lạ trong thời gian gần đây. Chuyển đổi số trong ngành giáo dục nói chung, và giáo dục đại học nói riêng được nhắc đến trong rất nhiều các bài viết, các bài phỏng vấn (tra cụm từ “*chuyển đổi số trong giáo dục đại học*” trên Google trong 0,53 giây trả về 58,9 triệu kết quả). Các công trình này chủ yếu đề cập đến khái niệm chuyển đổi số và chuyển đổi số trong giáo dục, giáo dục đại học; các lợi ích của chuyển đổi số, vận dụng chuyển đổi số..... Tuy nhiên, chưa có nhiều công trình nghiên cứu thực sự chi tiết những điều cần phải làm để một trường

đại học có thể triển khai tốt chuyển đổi số trong giảng dạy và quản lý.

Với việc nghiên cứu thực trạng chuyển đổi số trong ngành giáo dục nói chung và Trường Đại học Hải Phòng nói riêng hiện nay; căn cứ vào mục tiêu đề thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục đại học, bài viết này phân nào làm sáng tỏ những giải pháp cần triển khai tại Nhà trường để có thể tiến tới chuyển đổi số.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Khái niệm về chuyển đổi số và chuyển đổi số trong giáo dục

3.1.1. Chuyển đổi số là gì

Trong thời gian gần đây, thuật ngữ “chuyển đổi số” được nhắc đến rất nhiều trong các hoạt động từ trung ương đến địa phương, từ các nghị trường Quốc hội đến các hội thảo chuyên ngành, trở thành một xu hướng tất yếu trong thời gian tới. Vậy “chuyển đổi số” là gì? Vai trò của nó như thế nào với nền kinh tế?

Chuyển đổi số là một thuật ngữ mới, xuất hiện trong giai đoạn cách mạng công nghiệp 4.0 và do đó nó có nhiều cách hiểu khác nhau, cụ thể như:

- Theo Garter, chuyển đổi số là việc sử dụng công nghệ số để thay đổi mô hình kinh doanh, tạo ra các cơ hội, doanh thu và những giá trị mới

- Theo Microsoft, chuyển đổi số là việc tư duy lại cách thức và các tổ chức tập hợp mọi người, dữ liệu và quy trình để tạo ra những giá trị mới.

- Theo FPT, chuyển đổi số trong tổ chức, doanh nghiệp là quá trình thay đổi từ mô hình truyền thống sang doanh nghiệp số bằng cách áp dụng công nghệ mới như dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud)... thay

đổi phương thức điều hành, lãnh đạo, quy trình làm việc, văn hóa công ty. Chuyển đổi số mang lại nhiều lợi ích như cắt giảm chi phí vận hành, tiếp cận được nhiều khách hàng hơn trong thời gian dài hơn, lãnh đạo ra quyết định nhanh chóng và chính xác hơn nhờ hệ thống báo cáo thông suốt kịp thời. Qua đó, hiệu quả hoạt động và tính cạnh tranh của tổ chức, doanh nghiệp được nâng cao.

Chuyển đổi số đang được coi là con đường tất yếu, là xu thế không thể đảo ngược bởi tính đa dạng và sự tác động rộng ở nhiều lĩnh vực như: Chính phủ số (như dịch vụ công trực tuyến, dữ liệu mở), kinh tế số (như tài chính số, thương mại điện tử), xã hội số (như giáo dục, y tế, văn hóa) và chuyển đổi số trong các ngành trọng điểm (nông nghiệp, du lịch, điện lực, giao thông).

3.1.2. Chuyển đổi số trong giáo dục là gì

Chuyển đổi số ngành giáo dục, nghĩa là việc áp dụng công nghệ, dựa vào mục đích, cơ cấu của doanh nghiệp giáo dục. Hiện tại, được ứng dụng dưới 3 hình thức chính:

- Ứng dụng công nghệ trong phương pháp giảng dạy: Lớp học thông minh, lập trình...vào việc giảng dạy.

- Ứng dụng công nghệ trong quản lý: Công cụ vận hành, quản lý

- Ứng dụng công nghệ trong lớp học: Công cụ giảng dạy, cơ sở vật chất.

3.2. Vai trò của chuyển đổi số đối với ngành giáo dục

3.2.1. Môi trường giáo dục linh hoạt

Chuyển đổi số với nền tảng công nghệ đã tạo ra một không gian học tập linh hoạt. Người học sẽ không ngồi trong phòng học với bốn bức tường mà được linh hoạt học

tập ở bất cứ nơi đâu, có thể tiếp thu kiến thức một cách dễ dàng, thuận tiện qua mọi thiết bị: máy tính, laptop, smartphone,...

Với nền tảng công nghệ, chuyển đổi số đã mở ra cho nền giáo dục một hướng đi hoàn toàn mới. Bất cứ nơi đâu, bất cứ thời điểm nào, bất cứ ai cũng có thể tiếp cận thông tin, cập nhật và tiếp thu kiến thức một cách đa chiều. Điều này hoàn toàn loại bỏ giới hạn về khoảng cách, tối ưu về thời gian và nâng cao nhận thức, tư duy của người học.

3.2.2. Không giới hạn truy cập tài liệu học tập

Chuyển đổi số với nền tảng công nghệ đã tạo ra một kho tài liệu khổng lồ cho người học. Người học có thể truy cập vào các tài nguyên học tập dễ dàng và ít tốn kém. Với việc truy cập vào kho tài liệu lớn như vậy, người học sẽ không phải tốn chi phí để mua sách hay đến thư viện mượn tài liệu, đồng thời việc truy cập trực tuyến sẽ giúp người khai thác nhanh chóng hiệu quả mà không bị giới hạn bởi tình trạng kinh tế. Điều này đồng nghĩa, việc chia sẻ tài liệu, giáo trình giữa giảng viên và sinh viên được dễ dàng, tiết kiệm và nhanh chóng hơn.

3.2.3. Tăng trải nghiệm thực tế và tăng tính tương tác

Chuyển đổi số với nền tảng công nghệ tạo ra việc học trực tuyến, tạo cơ hội học tập không giới hạn. Hiện nay việc học trực tuyến nhiều ý kiến trái chiều nhau, ví dụ như: làm giới hạn khả năng tương tác giữa người dạy và người học. Tuy nhiên, đó là hạn chế trong giai đoạn đầu của khi nền tảng công nghệ chưa thực sự đáp ứng nhu cầu. Trong thời gian tới, việc nền tảng công nghệ tốt hơn (ứng dụng thực tế ảo VR - Virtual Reality, thực tế tăng cường AR -

Augmented Reality) cũng tạo ra những trải nghiệm thực tế “thật” hơn cho người học. Phương pháp học mới sẽ gia tăng tính tương tác hai chiều cho người học và người dạy dạng face to face không bị giới hạn bởi không gian; đồng thời công nghệ hiện đại sẽ giúp người học có những trải nghiệm đa giác quan, tạo cảm giác tò mò, hứng thú hơn khi học thay vì phải tưởng tượng qua sách vở.

3.2.4. Nâng cao chất lượng giáo dục

Chuyển đổi số với nền tảng công nghệ đã tạo ra kỷ nguyên mới cho ngành giáo dục – nâng cao chất lượng đào tạo.

Với sự hỗ trợ của cách mạng công nghiệp 4.0, ngành giáo dục có Big Data giúp lưu trữ mọi kiến thức lên không gian mạng, tăng cường khả năng chia sẻ thông tin; có IoT (Internet Of Thing – Internet vạn vật) giúp theo dõi giám sát mọi hoạt động của người dạy và người học; có AI (Artificial Intelligence – Trí tuệ nhân tạo) hỗ trợ người học có được quá trình tự học thuận lợi và nhanh chóng đạt được mục tiêu, giúp người dạy giảm bớt thời gian và công sức; có Blockchain giúp xây dựng hệ thống quản lý thông tin, hồ sơ học tập của sinh viên, cho phép hợp nhất, quản lý và chia sẻ dữ liệu từ nhiều trường học, ghi chép lại lịch sử học tập, bảng điểm của người học để đảm bảo thông tin dữ liệu được đồng nhất, minh bạch. Trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá gồm số hóa học liệu (sách giáo khoa điện tử, bài giảng điện tử, kho bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm), thư viện số, phòng thí nghiệm ảo, triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến, xây dựng các trường đại học ảo (cyber university).

Như vậy, sự bùng nổ của nền tảng công nghệ IoT, Big Data, AI, Blockchain, SMAC (Social (Xã hội), Mobile (Di

động), Analytics (Phân tích, dựa trên Dữ liệu lớn) và Cloud (Đám mây)) đang hình thành nên hạ tầng giáo dục số.

3.2.5. Giảm chi phí đào tạo

Chuyển đổi số với nền tảng công nghệ tạo ra một kỷ nguyên học tập trực tuyến với chi phí rẻ hơn nhiều lần so với việc học trực tiếp tại các trường học (liên quan tới mặt bằng, cơ sở vật chất, trang thiết bị...)

Chuyển đổi số tạo giúp cho người học có nhiều sự lựa chọn, họ có thể tham gia vào các khóa học E-learning với chi phí rẻ hơn, người học sẽ lựa chọn những khóa học phù hợp với bản thân để tập trung mang lại hiệu quả và chất lượng hơn. tăng khả năng tự học, tạo cơ hội học tập mọi lúc, mọi nơi, cá nhân hóa việc học, góp phần tạo ra xã hội học tập và học tập suốt đời.

3.3. Điều kiện đảm bảo cho chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo

Để ngành giáo dục đào tạo có thể thực hiện chuyển đổi số thì cần phải có những điều kiện cụ thể như sau:

- Nhận thức thông suốt của thầy và trò trong toàn ngành giáo dục: chuyển đổi số là xu thế tất yếu của ngành, diễn ra với tốc độ rất nhanh, do đó cần có sự chuẩn bị, đầu tư xứng tầm, tạo sức mạnh cộng hưởng và quyết tâm cao.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách, hành lang pháp lý để chuyển đổi số có thể thuận lợi phát triển. Chính sách liên quan tới học liệu như sở hữu trí tuệ, bản quyền tác giả; Chính sách liên quan tới chất lượng việc dạy học trên internet như an toàn thông tin mạng, an toàn thông tin cá nhân; chính sách liên quan tới điều kiện tổ chức dạy – học trên internet; chính sách liên quan tới kiểm định chất lượng, tính pháp lý và công nhận kết quả.

- Nền tảng hạ tầng thông tin internet, cơ sở vật chất, đặc biệt trang thiết bị đầu cuối, hệ thống nền tảng công nghệ phải được trang bị đồng bộ trong toàn ngành giáo dục để đảm bảo việc quản lý, dạy - học có thể được thực hiện một cách bình đẳng.

- Đội ngũ nhân lực (cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên, học sinh sinh viên) có kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Trước hết là kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công việc dạy - học.

3.4. Thực trạng chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo hiện nay ở Việt Nam

Để triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 29 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản toàn diện GDĐT, ngành giáo dục đã xác định ứng dụng CNTT là 1 trong 9 nhóm nhiệm vụ trọng tâm. Hàng loạt chính sách thúc đẩy chuyển đổi số giáo dục được ban hành và dần hoàn thiện hành lang pháp lý như các quy định ứng dụng CNTT trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng, quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học, quy định quản lý, vận hành sử dụng hệ thống CSDL toàn ngành, mô hình, ứng dụng CNTT trường phổ thông, chuẩn dữ liệu kết nối...

Trong quản lý giáo dục, toàn ngành đã triển khai số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung từ Trung ương đến 63 sở GDĐT, 710 phòng GDĐT và khoảng 53.000 cơ sở giáo dục. Hiện nay đã số hóa và định danh dữ liệu của khoảng 53.000 trường học, 1,4 triệu giáo viên, 23 triệu học sinh. Cơ sở dữ liệu này vừa qua đã hỗ trợ đắc lực công tác tuyển sinh và thống kê, báo cáo trong toàn ngành; giúp các cấp quản lý ban hành chính sách quản lý có hiệu quả, góp phần giải quyết vấn đề thừa thiếu giáo viên ở các

nhà trường theo từng địa phương, môn học. Khối phổ thông khoảng 82% các trường sử dụng phần mềm quản lý trường học, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử và hầu hết các cơ sở giáo dục đại học đều sử dụng phần mềm quản trị nhà trường. Hệ thống quản lý hành chính điện tử kết nối 63 sở GDĐT và hơn 300 trường đại học, cao đẳng trên cả nước với Bộ GDĐT hoạt động thông suốt, ổn định, phát huy hiệu quả tích cực.

Về dạy - học, giáo viên toàn ngành được huy động tham gia, đóng góp chia sẻ học liệu vào kho học liệu số toàn ngành; đóng góp lên Hệ tri thức Việt số hóa gần 5.000 bài giảng điện tử e-learning có chất lượng, kho tài liệu luận án, luận văn gần 7.000 luận văn, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm với trên 31.000 câu hỏi... góp phần xây dựng xã hội học tập và đẩy mạnh học tập suốt đời.

Về nhân lực số, ở bậc phổ thông, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới, môn Tin học sẽ được đưa vào giảng dạy bắt buộc ngay từ lớp 3; giáo dục STEM được lồng ghép trong các môn học, gắn việc học của học sinh thông qua các hoạt động ứng dụng công nghệ để giải quyết các bài toán và hiện tượng trong cuộc sống. Trong giáo dục đại học, triển khai cơ chế đặc thù đào tạo nhân lực CNTT, qua đó giúp các cơ sở đào tạo gia tăng cơ hội hợp tác với doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế để huy động các nguồn lực của xã hội tham gia vào quá trình đào tạo nhân lực CNTT, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng nhân lực ở các doanh nghiệp và nhu cầu của xã hội.

Việc chuyển đổi số càng trở nên mạnh mẽ trong ngành giáo dục khi dịch Covid-19 bùng phát. Trong 2 năm 2020, 2021 vừa qua, 100% các trường học từ Tiểu học đến Đại học áp dụng giảng dạy online và gặp

thách thức về công nghệ, cách đánh giá năng lực người dạy lẫn người học... Tuy nhiên, với xu thế phát triển công nghệ hiện nay, việc tiếp cận công nghệ vào giảng dạy và học tập trở nên dễ dàng và thuận tiện hơn. Sự phát triển của các ứng dụng trên nền tảng di động, mạng xã hội giúp người dùng dễ dàng tương tác mọi lúc - mọi nơi, đã tạo điều kiện cho giáo dục trực tuyến phát triển lên bậc cao hơn.

Tuy vậy, chuyên đổi số ngành giáo dục đào tạo hiện nay còn gặp nhiều khó khăn, tồn tại cần tiếp tục được khắc phục, hoàn thiện cụ thể như sau:

- Hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT (như máy tính, camera, máy in, máy quét), đường truyền, dịch vụ Internet cho nhà trường, giáo viên, học sinh - đặc biệt ở các vùng xa, vùng khó khăn – còn thiếu, lạc hậu, chưa đồng bộ, tạo ra sự bất bình đẳng về cơ hội học tập, tiếp cận kiến thức giữa học sinh sinh viên ở các vùng miền, các nhà trường.

- Số hóa, xây dựng, cập nhật học liệu số, thẩm định, chia sẻ học liệu số đòi hỏi sự đầu tư lớn về nhân lực, tài lực để đảm bảo kho học liệu số đầy đủ, đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, tham khảo của học sinh sinh viên ở các cấp học, ngành học, môn học. Hầu hết tài liệu số hiện nay tự phát, chưa đi vào nề nếp và thành hệ thống, khó kiểm soát chất lượng và nội dung học tập.

- Các vấn đề về bản quyền tác giả, sở hữu trí tuệ, an ninh thông tin, giao dịch điện tử và luật chia sẻ cung cấp thông tin cần được giải quyết, cụ thể như: quy định quyền tác giả cho các bài giảng điện tử (trường hợp nào được sử dụng, điều kiện gì, sử dụng toàn bộ hay một phần); quy

định khai thác cơ sở dữ liệu, kho học liệu số (những ai được quyền khai thác, khai thác gì, mức độ đến đâu, điều kiện gì, ai thẩm định, ai cho phép); quy định tính pháp lý của hồ sơ điện tử nói chung và số điểm, học bạ điện tử nói riêng (đặc biệt trong trường hợp chuyển cấp, chuyển trường ở phạm vi toàn quốc).

- Trên cơ sở quy định pháp lý chung ở trên, cần hoàn thiện quy định chuyên ngành giáo dục, cụ thể như: Quy định chương trình học trực tuyến, thời lượng học, kiểm tra đánh giá trực tuyến, kiểm định chất lượng học trực tuyến, công nhận kết quả học trực tuyến (khác với học truyền thống); quy định điều kiện tổ chức lớp học, trường học trên môi trường mạng (kể cả ngắn hạn và dài hạn).

3.3. Thực trạng chuyển đổi số tại Trường Đại học Hải Phòng

Trong bối cảnh ngành giáo dục đầy

mạnh chuyển đổi số, đặc biệt khi tác động của dịch Covid-19, Trường Đại học Hải Phòng (sau đây gọi tắt là Nhà trường) cũng nhanh chóng thích ứng và tăng cường việc chuyển đổi số trong công tác giảng dạy và quản lý.

3.3.1. Hệ thống văn bản hỗ trợ hành lang pháp lý trong công tác chuyển đổi số

* Hoạt động dạy học trực tuyến

Từ đầu năm 2020, khi dịch Covid-19 tác động trực tiếp đến các hoạt động xã hội nói chung, hoạt động dạy học nói riêng. Nhà trường đã chủ động tiến hành tập huấn giảng dạy trực tuyến cho 15 đơn vị Khoa/Viện trong toàn trường (Kế hoạch số 707/KH-ĐHHP ngày 09/3/2020).

Đồng thời linh hoạt sử dụng văn bản để điều hành thực hiện việc dạy học trực tuyến và dạy trực tiếp tại trường tùy từng giai đoạn dịch bệnh trong suốt thời gian từ 3/2020 đến 12/2021.

Bảng 1. Số giờ dạy trực tuyến của Trường Đại học Hải Phòng

TT	Khoa	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 - 2022
	Khoa Toán và KHTN	1.460	1.013
	Khoa Công nghệ thông tin	2.776	1.894
	Khoa Ngữ văn và KHXX	971	801
	Khoa Du lịch	2.616	1.127
	Khoa Ngoại ngữ	9.623	3.964
	Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non	3.095	1.112
	Khoa Lý luận chính trị	2.497	1.601
	Khoa Tâm lý Giáo dục học	1.729	620
	Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	3.606	1.619
	Khoa Kế toán Tài chính	2.636	1.527
	Khoa Xây dựng	672	364
	Khoa Điện Cơ	2.369	1.568
	TT Giáo dục Thể chất và Thể thao	1.041	1.217
	Tổng cộng	35.091	18.426

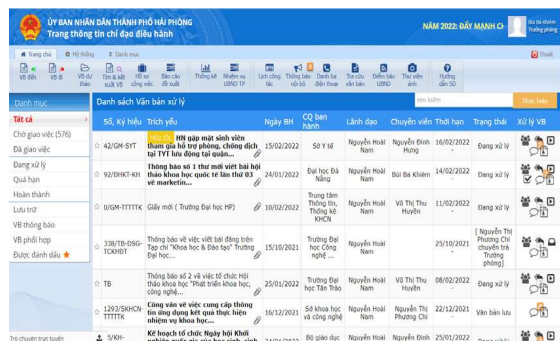
(Nguồn: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Hải Phòng)

* Hoạt động cung cấp tài liệu số

Hoạt động thư viện cung cấp tài nguyên số được Nhà trường chú trọng từ năm 2016 thông qua việc tham gia Mạng lưới khoa học và công nghệ thành phố Hải Phòng (thông báo số 99/TB-ĐHHP ngày 12/5/2016) và trong những năm gần đây đẩy mạnh việc tham gia các hoạt động sử dụng chung tài liệu số, đặc biệt là tháng 6/2021 Nhà trường đã tham gia Dự án Thư viện điện tử dùng chung cho các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam của Ngân hàng thế giới tài trợ đã mang lại kho dữ liệu khổng lồ cho cán bộ, giảng viên và sinh viên.

* Hệ thống quản lý văn bản

Hệ thống quản lý văn bản được hòa chung vào việc sử dụng hệ thống văn phòng điện tử của thành phố Hải Phòng. Vì vậy việc quản lý văn bản đi, văn bản đến và những văn bản nội bộ được sắp xếp tương đối khoa học và hỗ trợ giải quyết công việc theo mô hình văn phòng ảo, hạn chế giấy tờ, giảm thời gian trình duyệt từ nhân viên tới lãnh đạo.

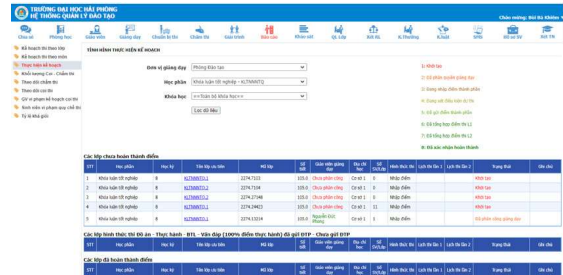


Hình 1 – Hệ thống quản lý văn bản của Trường Đại học Hải Phòng

3.3.2. Hệ thống quản lý đào tạo

Phần mềm quản lý đào tạo được áp dụng từ năm 2013 và liên tục cải tiến qua từng năm trong quá trình sử dụng. Phần mềm quản lý đào tạo đóng vai trò quan trọng trong hoạt động đào tạo của Nhà

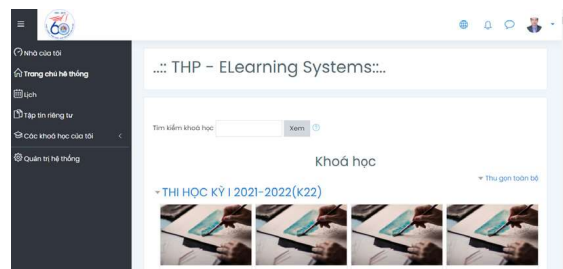
trường, tăng hiệu quả trong công tác quản lý từ khâu đầu vào (tuyển sinh) cho tới quá trình đào tạo (sinh viên chủ động đăng ký học tập, theo dõi quá trình học tập, thi kết thúc học phần cũng như toàn bộ việc khóa học và tốt nghiệp), từ việc nộp học phí cùng các khoản phụ phí khác cho đến các hoạt động của sinh viên.



Hình 2 – Hệ thống quản lý đào tạo của Trường Đại học Hải Phòng

3.3.3. Hệ thống hỗ trợ giảng dạy, đánh giá trực tuyến

Hệ thống giảng dạy và đánh giá trực tuyến được thực hiện trên Hệ thống THP – LMS, tương tác giảng dạy trực tuyến giữa giảng viên và sinh viên được thực hiện trên nền tảng Google Meets. Toàn bộ quá trình giảng dạy, đánh giá trực tuyến này được triển khai trong năm học 2019 - 2020 và 2020 – 2021 và mang lại kết quả tốt, đảm bảo việc sinh viên không đến trường nhưng vẫn được đào tạo đúng tiến độ, đạt yêu cầu về chất lượng.



Hình 3 – Hệ thống quản lý dạy học trực tuyến của Trường Đại học Hải Phòng

3.3.4. Hạn chế

Tuy vậy, trong quá trình triển khai chuyển đổi số của Nhà trường, còn gặp

một số khó khăn, bất cập:

- Tư duy thích ứng của cán bộ, giảng viên và sinh viên với các thay đổi nhanh chóng của cách mạng công nghiệp 4.0 nói chung và chuyển đổi số trong giảng dạy, quản lý nói riêng.

- Phương pháp giảng dạy trực tuyến của GV còn cần được cải tiến nhiều do vẫn còn ảnh hưởng của phương pháp dạy truyền thống trực tiếp nên tính tiếp cận không phù hợp.

- Cơ sở hạ tầng công nghệ : Hạ tầng mạng internet chưa phủ sóng được toàn trường, hệ thống máy tính của trường còn thiếu và yếu, hệ thống phần mềm THP-LMS quản lý giảng dạy chưa tối ưu.

- Hệ thống phần mềm chưa có sự liên thông tốt về dữ liệu, chưa có sự liên kết giữa các phần mềm nên còn nhiều sự sai lệch; đồng thời còn nhiều mảng chưa ứng dụng CNTT để quản lý (Ví dụ như mảng nhân sự, quản lý tài sản,...). Hệ thống quản lý đào tạo còn nhiều vấn đề chưa sát với thực tiễn nên tính hiệu quả trong việc sử dụng chưa cao.

- Tài liệu số chưa được sử dụng hiệu quả, sự quan tâm của giảng viên và sinh viên dành cho những học liệu số do Nhà trường cung cấp còn ít. Điều này được thể hiện qua lượt truy cập sử dụng tài liệu của Nhà trường không cao.

- Chi phí tài chính dành cho chuyển đổi số cao là một trở ngại rất lớn.

3.4. Một số đề xuất nhằm phát triển chuyển đổi số tại Trường Đại học Hải Phòng

Từ việc phân tích tổng quan ngành giáo dục đến hiện trạng cụ thể của Trường Đại học Hải Phòng trong quá trình chuyển đổi số, để không bỏ lỡ cơ hội mà cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 mang lại, Nhà

trường cần tập trung triển khai một số nội dung cụ thể sau:

- * Nâng cao nhận thức, trách nhiệm phổ biến tuyên truyền để tạo sự thông suốt về tư tưởng và sự quyết tâm của lãnh đạo, giảng viên và sinh viên trong quá trình thực hiện chuyển đổi số của Nhà trường.

- * Hoạt động đào tạo duy trì tính liên tục và thích ứng để đáp ứng chuyển đổi số

- Nội dung các học phần đều thực hiện được việc giảng dạy trực tuyến hoặc trực tiếp; Đảm bảo sự hoạt động của hệ thống mạng lưới internet và trang thiết bị dạy - học. Tập huấn các khóa học phù hợp cho cán bộ, giảng viên và sinh viên để vận hành và hoạt động tốt trong môi trường số: kiến thức, kỹ năng CNTT, an toàn thông tin cần thiết để tác nghiệp trên môi trường số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; phương pháp giảng dạy, nghiệp vụ sư phạm phù hợp việc dạy học trực tuyến (áp dụng các xu hướng giáo dục công nghệ như lớp học thông minh, game hóa (gamification), lập trình... vào giảng dạy).

- Áp dụng mô hình lấy người học, đề cao khả năng tự học, tự nghiên cứu, nâng cao khả năng thảo luận và giúp người học phát triển những kỹ năng cần thiết cho xã hội. Phương pháp giảng dạy này cần hỗ trợ bởi kho học liệu số (MOOC) với hệ thống bài giảng, bài tập, tài liệu có tính tương tác cao.

- Đẩy mạnh việc tiếp cận người học, tăng cường số lượng người học thông qua lợi thế của việc lớp học số, tài liệu số, Bất kỳ ai, ở đâu, làm gì đều có thể tham gia học và nhận bằng tốt nghiệp. Các giới hạn về diện tích của trường hay khoảng cách địa lý sẽ không còn nữa.

- Tận dụng dữ liệu người học để phân tích và tạo nên sự cá nhân hóa cho người học trong quá trình đào tạo. Cụ thể từ kết quả phân loại, người học có thể điều chỉnh

nhịp độ, cường độ học tập hoặc thay đổi môn/ngành/định hướng cho phù hợp với bản thân. Người học trong nhóm nguy cơ sẽ được tư vấn, hỗ trợ trực tiếp từ nhà trường. Hệ thống cũng phân tích được (sử dụng AI hỗ trợ) các yếu tố tác động tạo ra sự khác biệt trong kết quả học tập, làm cơ sở điều chỉnh hoạt động đào tạo về sau

* Hoạt động khoa học tích cực áp dụng chuyển đổi số

Trong hoạt động NCKH cần tận dụng thế mạnh của việc sử dụng bộ dữ liệu dùng chung (dạng Big data), các công trình nghiên cứu sẽ liên kết được với nhau, thúc đẩy hợp tác, chia sẻ kết quả, đồng kiểm nghiệm và cùng tạo ra những nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh.

Phát triển mạng lưới tư vấn khoa học: hợp tác với Sở KH&CN để hình thành một nơi đề xuất các nghiên cứu, đánh giá công khai, đặt hàng các đầu bài nghiên cứu ứng dụng cho thành phố.

Hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp thông qua trung tâm khởi nghiệp, ươm mầm kết quả nghiên cứu tiềm năng và triển lãm, giới thiệu các sản phẩm khởi nghiệp đến các doanh nghiệp, xã hội.

* Chuyển đổi số mang lại hiệu quả cho công tác điều hành, quản trị

Từng bước đồng bộ dữ liệu thông qua việc sử dụng phần mềm quản lý tổng hợp, khắc phục sự rời rạc của các phần mềm trong từng lĩnh vực. Đẩy mạnh chất lượng công tác dự báo (nhờ công nghệ Big Data, AI, Blockchain) để phục vụ việc ra quyết định trong công tác quản lý nhằm mang lại hiệu quả hơn trong thực tiễn. Từng bước tạo ra môi trường số kết nối giữa Nhà trường với các doanh nghiệp xã hội; kết nối giữa Nhà trường với gia đình, giữa giảng viên với sinh viên.

4. KẾT LUẬN

Chuyển đổi số giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng trong bối cảnh hiện nay là xu hướng tất yếu. Các trường đại học cần thực hiện để tạo tiền đề phát triển cho tương lai mang lại lợi ích cho xã hội. Trường Đại học Hải Phòng xác định chuyển đổi số là công nghệ hóa toàn bộ tiến trình dạy và học, là tự động hóa quy trình nghiệp vụ và quản lý, là mở rộng đối tượng, năng lực, phạm vi giảng dạy, là nâng cao chất lượng đào tạo và khả năng đáp ứng công nghiệp... Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ tập trung từng bước đưa chuyển đổi số vào trong thực tiễn.

Tuy nhiên, để làm tốt thì cần xác định thêm:

Chuyển đổi số của một trường đại học ngoài những vấn đề nêu trên, còn những gì cần thảo luận và triển khai.

Nguồn lực cho chuyển đổi số sẽ tập trung từng mục hoàn thành từng phần mục tiêu hay thực hiện đồng loạt một cách toàn diện? Điểm xuất phát của chuyển đổi số sẽ bắt đầu từ đâu?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hoài Nam (2021) - Báo cáo Hội nghị xây dựng chiến lược phát triển Trường Đại học Hải Phòng năm 2021.
2. Tô Hồng Nam (2020), "Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Thực trạng và giải pháp", *Tạp chí Thông tin và Truyền thông*, Số 2 tháng 4/2020, <https://ictvietnam.vn/chuyen-doi-so-trong-linh-vuc-giao-duc-va-dao-tao-thuc-trang-va-giai-phap-20200522150010574.htm> - đăng tải ngày 07/06/2020
3. Digital Strategy (2021), *Xu hướng chuyển đổi số trong ngành giáo dục*, <https://digital.fpt.com.vn/linh-vuc/xu-huong-chuyen-doi-so-trong-nganh-giao-duc.html> - đăng tải 13/4/2021.
4. Smartosc DX blog (2021), *Khái niệm và các bước chuyển đổi số trong ngành giáo dục* <https://dx.smartosc.com/khai-niem-va-cac-buoc-chuyen-doi-so-trong-nganh-giao-duc/> - truy cập ngày 01/01/2021.